TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21- 6-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Liên
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn
2. Bà Trần Thị Thịnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa:*** Bà Hoàng Thị Minh - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXX-ST ngày 19 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Bùi Thị Th – Sinh năm: 1995
Địa chỉ: Thôn G, xã VN, huyện QN, tỉnh Quảng Bình.
Tạm trú: Tổ 8, khu phố P, phường TB, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương.(chị Thuyền có đơn xin xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn L - Sinh năm: 1994
Địa chỉ: Thôn Q, xã TC, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện,bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, qua thời gian tìm hiểu và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thiệu Chính ngày 09/4/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại Tổ 8, khu phố Tân Phước, phường Tân Bình, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, vợ chồng đều có công việc ổn định đủ lo cho cuộc sống gia đình. Đến năm 2021, tuy cuộc sống vợ chồng ổn định về kinh tế nhưng lại xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần

nhưng không có kết quả. Đến cuối tháng 8 năm 2022 thì vợ chồng sống ly thân. Đến đầu năm 2023 anh L đã mang theo con về quê sinh sống. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh L, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L càng sớm càng tốt để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là Đỗ Minh Q, sinh ngày 18/6/2018. Hiện nay cháu Quân đang ở với bố và ông bà nội tại thôn Q, xã TCh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.Vợ chồng ly hôn nguyện vọng của chị là được nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 21/6/2023 Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa nhận được báo cáo và ảnh chụp của chị T thể hiện: Hiện nay anh L đang mang cháu Đỗ Minh Q đi thuê nhà trọ tại địa chỉ 38/15, khu phố BĐ, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương để ở. Cháu Q bị bệnh chị có đến đưa con đi khám bệnh thì bị anh L đánh khiến chị phải vào viện điều trị. Chị đề nghị Tòa án giải quyết để chị được quyền nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh Đỗ Văn L. Anh L đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, anh L không có ý kiến gì. Anh L không đến Tòa án để tự khai cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Mặc dù đã được giao thông báo hợp lệ nhưng anh L không đến Tòa án trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tòa án đã lập biên bản về việc đương sự vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ tại gia đình và địa phương cung cấp thể hiện: Anh Đỗ Văn L là con trai, chị Bùi Thị T là con dâu của ông Đỗ Văn B, bà Lê Thị T1. Hiện nay anh L đang sinh sống tại địa phương, còn chị T đang sinh sống tại Bình Dương. Về hôn nhân: chị T và anh L đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại UBND xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sinh sống trong miền Nam. Vợ chồng sinh sống bình thường, có mâu thuẫn hay không thì gia đình không rõ. Chị T xin ly hôn anh L thì gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: chị T và anh L có 01 con chung là Đỗ Minh Q, sinh ngày 18/6/2018. Chị T, anh L ly hôn thì nguyện vọng của gia đình là được nuôi dưỡng cháu Q. Về tài sản, công nợ: chị T, anh L chưa có tài sản chung, không có công nợ chung. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Hiện nay anh L đang đi làm lao động tự do và mang cả con là cháu Đỗ Minh Q đi theo, anh L mới đi từ cuối tháng 3/2023, anh L đã nhận được Thông báo thụ lý và giấy triệu tập của Tòa án nhưng anh L bảo là giải quyết vắng mặt cho anh L.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án xử cho ly hôn với bị đơn, về con chung nguyện vọng của

chị T là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản và công nợ vợ chồng không yêu cầu giải quyết. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa ngày 06/6/2023 đã hoãn phiên tòa lần thứ 1 do bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; Các Điều 227; 228; 271; 273; 278; 280 BLTTDS; Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về hôn nhân: Chấp nhận đề nghị của chị Bùi Thị T xin ly hôn anh Đỗ Văn L.

Về con chung: Anh L, chị T có 01 con chung là Đỗ Minh Q, sinh ngày 18/6/2018. Quá trình giải quyết vụ án anh L không thể hiện quan điểm về việc nuôi con và cấp dưỡng như thế nào, mặt khác anh L là lao động tự do, không có nơi cư trú ổn định, việc mang theo cả con nhỏ sẽ ảnh hưởng tới sự phát triển toàn diện của cháu. Nên giao con cho chị T và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

Về tài sản và công nợ: Chị T và anh L không có tài sản, công nợ nên không xem xét.

Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Bùi Thị T và anh Đỗ Văn L là Tranh chấp về Ly hôn, nuôi con khi ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại thôn Q, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Đỗ Văn L vắng mặt không có lý do. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 227 BLTTDS để giải quyết vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh L, tuy nhiên sau khi nhận Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, anh L không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành phiên hòa giải được, điều đó chứng tỏ anh L không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ. Việc chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và thực trạng hôn nhân phù hợp với xác minh tình

trạng hôn nhân chị T, anh L tại địa phương. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Thuyền được ly hôn anh Luận là phù hợp.

[2]. Về nội dung:

* *Về hôn nhân:* Chị Bùi Thị T và anh Đỗ Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã xung đột với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến cuối tháng 8 năm 2022 thì vợ chồng sống ly thân. Đến đầu năm 2023 anh L đã mang theo con về quê sinh sống. Quá trình giải quyết vụ án, chị Thuyền xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T tha thiết xin được ly hôn.

* *Về con:* Chị T, anh L có 01 con chung là Đỗ Minh Q, sinh ngày 18/6/2018. Hiện nay anh L là lao động tự do không có nơi cư trú ổn định, cháu Q hiện đang còn nhỏ, việc mang theo cháu Q sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển toàn diện của cháu. Quá trình giải quyết vụ án, anh L không thể hiện quan điểm về việc nuôi con và cấp dưỡng. Chị T hiện đang là công nhân có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng con.

Để đảm bảo cuộc sống, sinh hoạt, học tập của cháu Q nên giao cho chị T nuôi con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

Anh Đỗ Văn L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nếu có yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

* *Về tài sản:* Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

* *Về công nợ*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 271; 273; 278; 280 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn L.

2. Về con chung: Công nhận cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 18/6/2018 là con chung của chị T và anh L. Giao cháu Đỗ Minh Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh Luận không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Anh L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nếu có yêu cầu.

3. Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Th phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2021/0000900 ngày 28/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị : Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án niêm yết.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thiệu Hóa;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- UBND xã Thiệu Chính;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Liên